

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 9 - 2021
“V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ C, TỈNH TRÀ VINH
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Kim Riêng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Kim Diễm
 2. Bà Trần Thị Tím
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tiết Thị Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà C tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà C tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 235/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021 ngày 09/8/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Thạch Minh T, sinh năm 1977
Địa chỉ: Ấp Trà T, xã Hàm G, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh
Ông T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt
- *Bị đơn:* Bà Giang Thị Minh D, sinh năm 1978 vắng mặt
Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Ấp Trà T, xã Hàm G, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh (Bà Giang Thị Minh D đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2021/QĐST-VDS ngày 12/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2021 nguyên đơn ông Thạch Minh T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2000, do được sự mai mối nên ông và bà Giang Thị Minh D tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, được sự đồng ý cho phép của gia đình hai bên và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Hàm G, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 11/9/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống lên Sài Gòn tìm việc làm, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến năm 2009 không hiểu nguyên nhân gì mà bà Giang Thị Minh D bỏ nhà ra đi, ông không biết bà D sinh sống nơi nào và bà D cũng không liên lạc về với gia đình, ông không biết bà D còn sống hay đã chết.

Vào năm 2021, ông T đã làm đơn gửi Tòa án nhân dân huyện Trà C yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà D, nhưng không có tin tức gì của bà D. Đến tháng 4 năm 2021, để bảo vệ quyền, lợi ích của ông T, ông đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh tuyên bố bà Giang Thị Minh D mất tích và đã được Tòa án nhân dân huyện Trà C chấp nhận tuyên bố bà Giang Thị Minh D mất tích tại quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2021/QĐST-VDS ngày 12 tháng 4 năm 2021. Nay ông Thạch Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Giang Thị Minh D.

-Về con chung: Tên Thạch Thanh T, sinh ngày 03/9/2004. Ông T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản ghi ý kiến ngày 05/7/2021 của cháu Thạch Thanh T trình bày: Cha, mẹ của cháu tên Thạch Minh T và bà Giang Thị Minh D ly hôn với nhau thì cháu không có ý kiến. Nếu cha, mẹ ly hôn với nhau thì nguyện vọng của cháu được ở chung với cha.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký Tòa án từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Thạch Minh T; Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Thạch Minh T được ly hôn với bà Giang Thị Minh D; Về con chung: Giao cháu Thạch Thanh T, sinh ngày 03/9/2004 cho ông Thạch Minh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do ông Thạch Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Giang Thị Minh D đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho bà D tại nơi cư trú cuối cùng và đến thời điểm mở phiên tòa bà D vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T và bà D theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ pháp luật về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Thạch Minh T và bà Giang Thị Minh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm G, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 11/9/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được 09 năm, đến năm 2009 không hiểu nguyên nhân gì mà bà Giang Thị Minh D lại bỏ nhà ra đi, không cho ông hay biết và cũng từ đó cho đến nay bà D không từng về địa phương nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Tại Quyết định sơ thẩm về việc giải quyết việc dân sự số: 02/2021/QĐST-VDS ngày 12/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Trà C đã tuyên bố bà Giang Thị Minh D mất tích. Đến nay ông T thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà D là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Tuấn, cho ông T được ly hôn với bà D.

[4] Về con chung: Ông T và bà D chung sống với nhau có 01 người con chung tên Thạch Thanh T, sinh ngày 03/9/2004, ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T và cũng phù hợp nguyện vọng của cháu T được sống với cha. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu T đang sinh sống ổn định cùng với ông T, do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu T. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, giao cháu Thạch Thanh T, sinh ngày 03/9/2004 cho ông T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông T được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà C phù hợp với nhận trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; Điều Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Thạch Minh T được ly hôn với bà Giang Thị Minh D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Thạch Thanh T, sinh ngày 03/9/2004 cho ông Thạch Minh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (đây cũng là ý chí, nguyện vọng của cháu T được sống với cha) cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Thạch Minh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Do ông Thạch Minh T thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Hàm Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Kim Riêng